Vietnam Daily Review

VN-INDEX ĐI NGANG

Thứ Năm, Ngày 25 Tháng Tư Năm 2024

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/4/2024		●	
Tuần 22/4-26/4/2024	●		
Tháng 04/2024	●		

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co quanh ngưỡng 1,205 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,204.97 điểm, gần như đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 9/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin, Bán lẻ dẫn đầu đà tăng hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. VN-Index hiện tại cần một cây nến chỉ hướng và thanh khoản ủng hộ để thoát khỏi xu hướng giằng co này

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giao dịch ngược chiều với đà tăng của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 25/04/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

• VN-Index -0.64 điểm, đóng cửa tại 1204.97 điểm. HNX-Index -0.30 điểm, đóng cửa tại 227.57 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: FPT (+0.99), MWG (+0.55), VCB (+0.55), MSN (+0.43), VIC (+0.38).
• Kéo chỉ số giảm: TCB (-0.72), BID (-0.55), MBB (-0.38), HPG (-0.35), GAS (-0.33).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 12,108 tỷ đồng, giảm -27.76% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,139 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 8.2 điểm. Thị trường có 166 mã tăng, 74 mã tham chiếu, 293 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -464.31 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FUEVFVND (-277.80 tỷ), DIG (-43.93 tỷ), GAS (-40.16 tỷ), FUESSVFL (-40.01 tỷ), GEX (-35.39 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 88.89 tỷ

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

• BSC30 -0.18%. Các mã diễn biến tích cực: MWG (+2.87%), FPT (+2.58%), MSN (+1.79%).
• BSC50 -0.54%. Các mã diễn biến tích cực: GEX (+2.46%), VTP (+2.03%), PHR (+1.79%).

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.18%	-0.54%	-0.05%	0.13%
1 tuần	2.03%	1.52%	1.06%	1.77%
1 tháng	-5.46%	-7.89%	-5.21%	-4.20%
3 tháng	10.39%	7.30%	7.29%	7.71%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,204.97	227.57	88.33
% 1D	-0.05%	-0.13%	-0.05%
GTGD (tỷ VND)	12,108	1,065	449
%1D	-27.76%	-30.26%	10.58%
GDNN (tỷ VND)	-464.31	88.89	-21.13

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	210.55	FUEVFVND	-277.80
VND	45.29	DIG	-43.93
TPB	42.59	GAS	-40.16
HPG	40.82	FUESSVFL	-40.01
KDH	28.80	GEX	-35.39

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,071	1.20%	0.38%
FTSE100	8,045	0.26%	2.87%
Eurostoxx	4,412	1.09%	1.97%
Shanghai	3,022	-0.74%	0.50%
Nikkei	37,633	-2.03%	-1.11%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	88.13	0.05%
Giá vàng	2,316	-0.27%
Tỷ giá		
USD/VND	25,477	-0.04%
EUR/VND	27,933	0.12%
JPY/VND	167	-0.60%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.9%	-0.02%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50

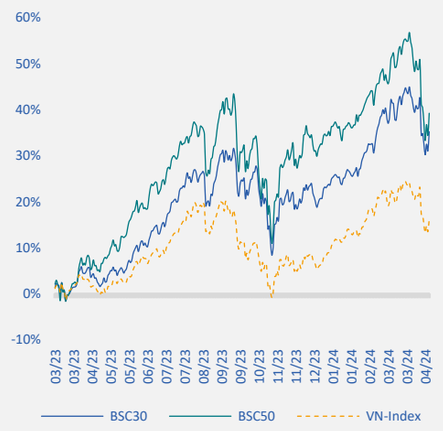

Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

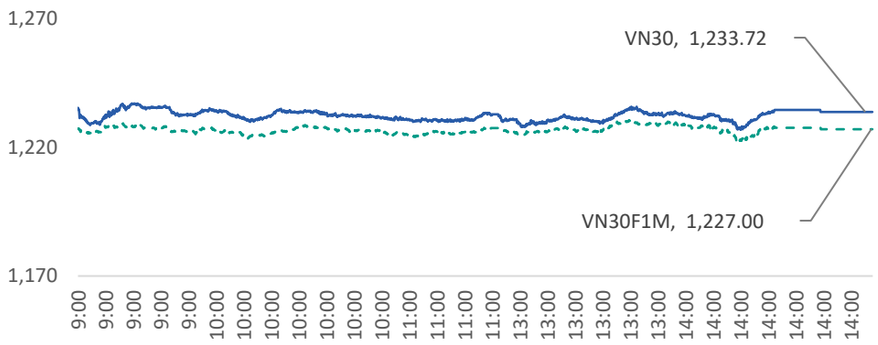

Nguồn: BSC Research

Top tăng điểm VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	123.20	2.58%	3.26
MWG	53.80	2.87%	1.72
MSN	68.10	1.79%	0.83
VNM	64.70	1.09%	0.56
VIC	42.00	0.96%	0.44

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1232.1	-0.43%	70	-63.16%	9/19/2024	147
VN30F2412	1233.8	-0.66%	23	-34.29%	12/19/2024	238
VN30F2405	1227	-0.28%	244018	-17.99%	5/16/2024	21
VN30F2406	1230	-0.27%	632	-41.37%	6/20/2024	56

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Top giảm điểm VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	46.15	-1.81%	-1.82
ACB	26.80	-0.92%	-0.82
MBB	22.25	-1.33%	-0.82
HPG	28.55	-0.87%	-0.75
VIB	21.15	-1.17%	-0.30

Nhận định

• VN30 +1.55 điểm, đóng cửa tại 1233.72 điểm. Biên độ dao động 10.23 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MWG, MSN, VNM, VIC tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.

• VN30 bật tăng cuối phiên sau một ngày giằng co quanh ngưỡng 1,230 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng những phiên tới.

• Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412, VN30F2405, VN30F2406, Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2315	5/6/2024	11	310,800	25.43%	50.89	20	100.0%	0.00	51.05	40.70	40.70
CVRE2318	7/5/2024	71	98,400	40.66%	31.00	180	12.5%	0.01	31.72	22.55	22.55
CVNM2315	1/6/2025	256	38,100	43.24%	87.11	1,420	5.2%	0.16	92.67	64.70	64.70
CVNM2310	8/9/2024	106	26,900	24.96%	78.40	250	4.2%	0.03	80.85	64.70	64.70
CPOW2306	6/26/2024	62	300	52.79%	16.00	60	0.0%	0.00	16.12	10.55	10.55
CVPB2316	5/6/2024	11	644,100	20.46%	22.36	10	0.0%	0.00	22.40	18.60	18.60
CVPB2309	5/6/2024	11	400	15.51%	21.45	10	0.0%	0.00	21.48	18.60	18.60
CVRE2312	5/6/2024	11	40,100	22.13%	27.50	10	0.0%	0.00	27.54	22.55	22.55
CSTB2330	5/6/2024	11	807,700	19.64%	34.00	10	0.0%	0.00	34.04	28.45	28.45
CNVL2305	6/26/2024	62	6,600	35.52%	17.00	900	-1.1%	0.08	20.60	15.20	15.20
CVNM2314	10/7/2024	165	571,000	36.33%	85.15	390	-2.5%	0.04	88.21	64.70	64.70
CVIC2312	7/5/2024	71	47,400	27.96%	52.35	140	-6.7%	0.02	53.75	42.00	42.00
CVHM2302	5/24/2024	29	254,600	24.03%	50.00	120	-7.7%	0.00	50.48	40.70	40.70
CVHM2316	7/5/2024	71	430,400	28.24%	51.23	120	-7.7%	0.02	52.19	40.70	40.70
CVHM2311	8/5/2024	102	100,400	51.11%	60.50	200	-20.0%	0.01	61.50	40.70	40.70
CVNM2313	5/6/2024	11	56,800	27.65%	82.30	30	-25.0%	0.00	82.59	64.70	64.70
CVHM2307	6/26/2024	62	30,700	54.95%	62.67	50	-28.6%	0.00	63.07	40.70	40.70
CVRE2317	5/6/2024	11	470,900	33.21%	30.00	10	-50.0%	0.00	30.04	22.55	22.55
CMSN2315	5/6/2024	11	118,400	20.56%	82.00	10	-50.0%	0.00	82.10	68.10	68.10
CPOW2309	5/17/2024	22	944,800	37.63%	14.50	10	-50.0%	0.00	14.52	10.55	10.55

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

• Trong phiên giao dịch ngày 25/04/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

• CSTB2316 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 66.67%. CMWG2305 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.14%.

• CVHM2307, CPOW2306, CVIC2306, CVRE2320, và CVHM2311 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2302, CTCB2401, CFPT2309, CFPT2310, và CMWG2305 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	120.10	2.58%	0.99	9.22
MWG	52.30	2.87%	0.55	19.84
VCB	90.60	0.44%	0.55	1.33
MSN	66.90	1.79%	0.43	6.07
VIC	41.60	0.96%	0.38	1.59

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	47.00	-1.81%	-0.72	9.24
BID	50.00	-0.80%	-0.55	1.05
MBB	22.55	-1.33%	-0.38	13.00
HPG	28.80	-0.87%	-0.35	11.42
GAS	74.60	-0.80%	-0.33	0.81

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	53.30	3.56%	2.53	1.43
PVI	47.20	2.97%	1.32	0.01
DTK	10.70	3.74%	1.10	0.00
SHS	18.40	1.63%	0.97	15.20
PVS	38.80	1.29%	0.94	4.71

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	9.20	-3.26%	-0.63	0.50
PTI	34.00	-5.59%	-0.56	0.00
VIF	15.80	-1.90%	-0.40	0.01
HTP	15.10	-7.95%	-0.40	0.80
VFS	19.70	-3.05%	-0.27	0.46

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FUCVREIT	7.00	7.00%	0.00	0.01
HID	2.87	6.97%	0.00	1.29
FDC	11.50	6.96%	0.01	0.00
HAS	8.06	6.95%	0.00	0.01
PIT	6.08	6.91%	0.00	0.03

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LEC	6.36	-6.92%	0.00	0.00
TMT	11.70	-6.84%	-0.01	0.06
TCR	3.83	-6.79%	0.00	0.00
QBS	1.65	-6.67%	0.00	1.18
COM	33.45	-6.43%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CAG	9.40	31.91%	0.21	0.21
AAV	3.60	27.78%	0.34	2.74
DC2	7.20	23.61%	0.06	0.07
L62	1.80	22.22%	0.02	0.00
NHC	25.40	19.69%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DPC	8.60	-18.60%	-0.01	0.00
L61	3.50	-14.29%	-0.01	0.01
SMT	5.80	-13.79%	-0.01	0.01
PIA	29.80	-11.74%	-0.05	0.00
VTV	6.00	-10.00%	-0.07	0.03

Hình 1
HSX-Index Intraday

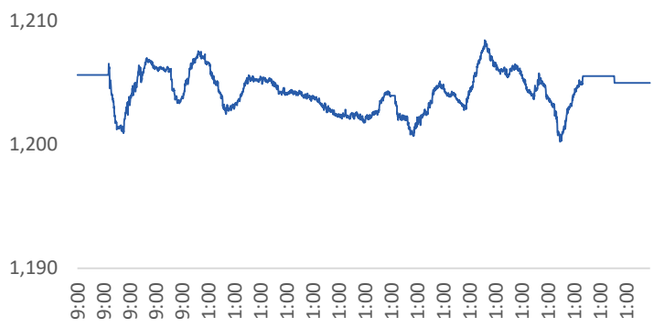

Hình 2
HNX-Index Intraday

Hình 3
Giao dịch tự doanh

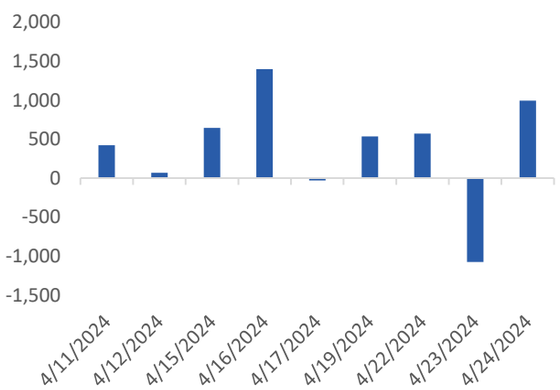

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại

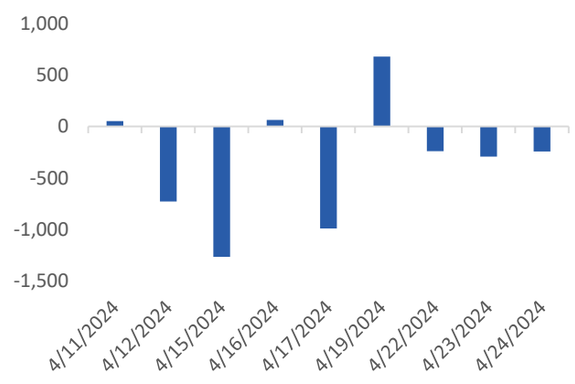

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	91.0	0.40%	0.7	19,992	4.4	5,910	15.4	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.6	-0.80%	1.1	11,114	2.1	3,772	13.1	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.6	0.00%	1.0	5,801	7.8	1,257	14.8	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	46.2	-1.80%	1.1	6,390	13.0	5,111	9.0	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.2	-1.30%	1.1	4,624	11.4	3,818	5.8	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.4	-0.50%	1.0	2,108	10.5	4,094	6.9	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	33.0	0.20%	1.2	6,966	6.3	3,706	8.9	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	26.8	-0.90%	0.8	4,092	5.4	4,131	6.5	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	35.4	-0.80%	1.3	2,097	14.7	1,529	23.1	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	55.2	1.50%	1.1	716	2.9	4,223	13.1	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	28.6	-0.90%	1.2	6,526	12.6	1,176	24.3	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	19.6	-0.30%	1.7	475	2.5	1,321	14.8	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	40.7	0.20%	1.1	6,966	4.8	7,664	5.3	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	34.6	0.10%	1.3	1,087	2.8	895	38.6	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	37.9	-1.60%	1.4	573	4.1	1,257	30.1	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	116.1	-0.20%	1.5	1,733	7.0	8,163	14.2	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	30.6	-1.10%	1.3	638	1.2	2,095	14.6	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	74.0	-0.80%	0.7	6,681	2.3	5,053	14.6	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	39.3	0.00%	0.9	738	7.3	2,148	18.3	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	29.9	-1.00%	1.2	653	3.1	1,052	28.4	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	10.6	-0.90%	0.7	971	1.4	443	23.8	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	74.0	-0.50%	1.1	653	0.7	4,914	15.1	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	81.4	0.10%	0.9	994	4.1	7,357	11.1	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	64.7	1.10%	0.6	5,315	4.9	4,246	15.2	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	68.1	1.80%	1.3	4,030	16.3	293	232.7	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	53.8	2.90%	1.4	3,092	40.9	115	469.2	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.2	-0.10%	0.9	1,239	4.0	5,860	16.1	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	58.3	-0.70%	1.8	383	3.3	2,121	27.5	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	123.2	2.60%	0.8	6,150	27.6	5,091	24.2	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	122.6	-1.60%	1.1	551	3.2	4,510	27.2	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	22.5	0.40%	0.9	2,576	6.5	3,482	6.5	1.5	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.2	-1.20%	1.2	2,109	3.2	3,376	6.3	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.0	-0.30%	1.2	1,553	3.5	2,027	8.9	1.2	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	13.6	-1.50%	1.2	1,065	3.3	2,322	5.8	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.0	1.70%	1.0	1,228	5.1	1,244	14.4	1.4	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	27.3	-1.30%	1.5	755	3.6	1,175	23.2	2.2	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	47.0	-1.10%	1.8	808	6.9	1,409	33.3	2.5	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	21.0	0.50%	1.6	1,005	10.7	2,057	10.2	1.5	22.6%	13.1%
BID	Ngân hàng	49.6	-0.80%	1.1	11,114	2.1	3,772	13.1	2.4	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	18.7	0.50%	1.8	598	11.2	1,076	17.4	1.4	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.6	-1.30%	1.6	86	0.8	546	21.1	0.9	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.1	-0.60%	1.5	600	1.3	53	323.4	1.3	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	65.1	-0.50%	1.2	256	1.7	1,894	34.4	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.6	-0.80%	1.5	205	1.8	782	16.2	0.6	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	9.7	0.00%	1.5	-	0.1	365	26.6	0.9	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	28.3	-1.20%	1.9	678	16.8	195	145.4	2.2	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	18.3	-2.10%	1.4	370	3.4	293	62.5	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	29.5	0.00%	1.6	890	3.5	2,646	11.2	1.1	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	50.8	0.00%	1.4	895	1.0	2,746	18.5	2.3	5.4%	12.5%
SZC	BĐS KCN	40.0	0.40%	1.2	283	2.1	1,515	26.4	2.4	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	81.1	-1.10%	1.3	580	0.4	5,098	15.9	3.7	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	57.0	1.80%	1.1	304	1.3	4,574	12.5	2.0	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	29.4	-0.30%	1.6	4,623	4.0	656	44.8	2.1	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	22.0	-1.60%	1.7	228	4.0	446	49.3	1.1	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	109.0	-0.80%	0.9	351	1.0	12,717	8.6	3.3	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	13.9	-1.80%	1.5	206	0.5	1,477	9.4	0.9	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	16.4	-1.20%	2.0	463	4.4	239	68.5	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.6	0.00%	1.2	2,014	3.7	1,940	11.6	1.4	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	26.7	-1.30%	1.9	775	5.3	964	27.7	2.0	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	55.9	-1.40%	1.6	97	0.6	4,732	11.8	1.7	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.4	-1.90%	1.1	121	0.4	3,843	10.0	1.7	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	35.1	-0.40%	0.9	1,753	0.3	2,230	15.7	1.5	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	28.2	-0.70%	1.5	90	0.1	1,261	22.4	1.7	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	18.2	-0.50%	1.1	-	3.2	2,790	6.5	1.0	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	29.7	-1.20%	0.7	139	0.7	2,286	13.0	1.9	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	26.0	0.80%	1.3	317	2.0	450	57.7	1.1	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	26.5	0.40%	1.3	318	0.7	2,175	12.2	1.1	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	20.8	2.50%	1.9	696	10.0	388	53.6	0.8	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	15.4	0.00%	0.6	-	0.1	1,549	9.9	1.3	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	60.0	-0.50%	0.9	964	1.5	5,354	11.2	1.2	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	28.9	-1.40%	1.4	151	1.0	(252)	-114.4	1.3	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	64.0	-1.50%	0.8	168	0.4	3,851	16.6	1.5	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	24.6	-1.60%	0.8	344	1.4	3,005	8.2	0.9	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	20.1	-1.20%	1.4	211	1.0	927	21.7	0.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	40.8	0.00%	1.3	169	1.4	3,648	11.2	1.4	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	75.4	2.00%	1.2	361	5.3	3,119	24.2	5.8	9.4%	25.6%
DBC	Bán lẻ	27.7	-1.10%	1.7	264	7.0	103	268.1	1.4	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	153.0	1.30%	0.7	819	3.0	(2,537)	-60.3	12.1	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	45.7	0.20%	0.7	-	0.4	6,117	7.5	1.9	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	31.2	-2.20%	1.2	481	2.2	1,327	23.5	1.1	10.0%	4.2%
TNG	Dệt may	20.1	-2.40%	1.1	90	0.7	1,917	10.5	1.2	18.6%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
5	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
6	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
7	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
8	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

http://www.bsc.com.vn

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639